|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH THÁI BÌNH  TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Ngành đào tạo: Kế toán – Hệ đào tạo: Đại học chính quy

(*Ban hành kèm theo Quyết định* số: 640 /QĐ-ĐHTB*, ngày 14 tháng 12 năm 2019*)

1. Tên học phần: Kiểm soát nội bộ Mã học phần: 01015583031

2. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)

3. Trình độ: Cho sinh viên năm thứ 4

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết (2 tiết lên lớp/ tuần)

+ Giảng lý thuyết: 28 tiết

+ Seminar: 0 tiết

+ Kiểm tra: 2 tiết

5. Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán 1, kiểm toán 2

6. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng:

*6.1. Về kiến thức*:

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản mang tính chất nguyên lý của hoạt động kiểm soát nội bộ. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: Biết các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ, hiểu được quy trình kiểm soát từ khâu mua hàng, bán thu chi tiền, các khoản nợ phải thu, phải trả, kiểm soát nội bộ về tài sản doanh nghiệp mang tính chuyên nghiệp

*6.2. Về kỹ năng:*

Nhận thức được những vấn đề cần thiết và quan trọng trong kiểm soát nội bộ nói chung và kiểm soát nội bộ theo COSO nói riêng. Qua đó vận dụng vào thực tế trong công tác kiểm soát tổng thể, hoặc theo từng chu trình kiểm soát riêng biệt tại doanh nghiệp.

*6.3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

- Có ý thức quan tâm đến các bước kiểm soát và quá trình kiểm soát nội bộ các chu trình trong thực tế doanh nghiệp, từ đó đề xuất giải pháp giúp doanh nghiệp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

- Cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm soát nội bộ, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc tổ chức các quy trình kiểm soát nội bộ theo từng đối tượng gắn liền với mục tiêu kiểm soát.

- Trên cơ sở các kiến thức cơ bản về KSNB đã được cung cấp sinh viên có thể thực hiện thiết lập các thủ tục, trình tự KSNB thích hợp đối với các đối tượng tải sản, nợ phải trả mà kế toán cần quản lý.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Tham dự học, thảo luận, kiểm tra theo quy chế 43/2007/QĐ-BGD & ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Thái Bình.

- Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.

- Nghiên cứu tài liệu và làm bài tập trước khi đến lớp.

- Có đầy đủ điểm kiểm tra (điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận theo yêu cầu của giảng viên.

- Tham gia dự kỳ thi kết thúc học phần.

- Dụng cụ học tập: Giáo trình môn học và các tài liệu học tập khác do giảng viên yêu cầu.

9. Tài liệu học tập:

- Giáo trình chính:

[1] Tập Bài giảng môn Kiểm soát nội bộ (lưu hành nội bộ), Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Thái Bình.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Giáo trình *Kiểm soát nội bộ*, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Phương Đông, năm 2012.

[2] ThS.Đậu Ngọc Châu – TS Lưu Đức Tuyền , Giáo trình *Kiểm toán báo cáo tài chính*, Học viện Tài chính, NXB Tài chính, năm 2010.

[3] Alvin A. Arens, *Kiểm toán*, Dịch và biên soạn: Đặng Kim Cương, Phạm Văn Dược, NXB Thống kê

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

*10.1. Tiêu chí đánh giá:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | Ghi chú |
| 1 | Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà. | - Số tiết dự học/Tổng số tiết: 5%  - Số bài tập đã làm/tổng số bài tập được giao: 5% | 10% |  |
| 2 | Điểm kiểm tra định kỳ | - 2 bài kiểm tra viết | 30% |  |
| 3 | Thi kết thúc học phần | - Thi viết (60 phút) | 60% |  |

*10.2. Cách tính điểm:*

- Sinh viên không tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp không được dự thi lần đầu.

- Điểm thành phần để điểm lẻ đến một chữ số thập phân.

- Điểm kết thúc học phần làm tròn đến phần nguyên.

11. Thang điểm: Theo quy chế tín chỉ

12. Nội dung chi tiết học phần:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CHƯƠNG | TÊN CHƯƠNG | LÝ THUYẾT  (tiết) | THỰC HÀNH  (tiết) | KIỂM TRA  (tiết) |
| 1 | Tổng quan về kiểm soát nội bộ | 2 |  |  |
| 2 | Khuôn mẫu hệ thống KSNB theo báo cáo COSO | 4 |  |  |
| 3 | Kiểm soát chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền | 6 |  |  |
| 4 | Kiểm soát chu trình bán hàng – thu tiền | 4 |  |  |
| 5 | Kiểm soát chu trình tiền lương | 3 |  | 1 |
| 6 | Kiểm soát tiền | 4 |  |  |
| 7 | Kiểm soát tài sản cố định hữu hình | 5 |  | 1 |
| Tổng cộng | | 30 | | |

13. Hình thức và nội dung từng tuần:

| Hình thức TC DH | Nội dung | Thời gian (tiết) | Yêu cầu SV chuẩn bị và địa chỉ tư liệu | Ghi chú |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1 | **Chương 1: Tổng quan về kiểm soát nội bộ** | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4] |  |
| Lý thuyết | 1.1 Định nghĩa về KSNB.  1.2 Lịch sử phát triển KSNB.  1.3 Báo cáo COSO. | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 2 | **Chương 2: Khuôn mẫu hệ thống KSNB theo báo cáo COSO** | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4] |  |
| Lý thuyết | 2.1 Môi trường kiểm soát  2.2 Đánh giá rủi ro | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 3 | Chương 2: Khuôn mẫu hệ thống KSNB theo báo cáo COSO (tiếp) | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4] |  |
| Lý thuyết | 2.3 Họat động kiểm soát  2.4 Thông tin và truyền thông  2.5 Giám sát | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 4 | **Chương 3: Kiểm soát chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền** | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 3.1 Đặc điểm, sai phạm có thể xảy ra và mục tiêu kiểm soát. | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 5 | Chương 3: Kiểm soát chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền (tiếp) | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 3.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền. | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 6 | Chương 3: Kiểm soát chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền (tiếp) | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 3.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền.(tiếp) | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 7 | Chương 4: Kiểm soát chu trình bán hàng – thu tiền | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 4.1 Đặc điểm, sai phạm có thể xảy ra và mục tiêu kiểm soát  4.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình bán hàng – thu tiền. | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 8 | Chương 4: Kiểm soát chu trình bán hàng – thu tiền (tiếp) | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 4.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình bán hàng – thu tiền. | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 9 | Chương 5: Kiểm soát chu trình tiền lương | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 5.1 Đặc điểm, sai phạm có thể xảy ra và mục tiêu kiểm soát.  5.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình tiền lương | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 10 | Chương 5: Kiểm soát chu trình tiền lương (tiếp) | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 5.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình tiền lương (tiếp) | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá | Kiểm tra bài số 1 |  |  |  |
| Tuần 11 | Chương 6: Kiểm soát tiền | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 6.1 Đặc điểm và mục tiêu kiểm soát.  6.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với thu, chi và tồn quỹ | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 12 | Chương 6: Kiểm soát tiền (tiếp) | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 6.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với thu, chi và tồn quỹ | 2 | àm slide và thuyết trình theo nhóm. |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 13 | Chương 7: Kiểm soát tài sản cố định hữu hình | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 7.1 Đặc điểm và mục tiêu kiểm soát. | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 14 | Chương 7: Kiểm soát tài sản cố định hữu hình (tiếp) | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
|  |  |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với TSCĐ hữu hình | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 15 | Ôn tập và kiểm tra | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | Ôn tập | 1 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá | Làm bài kiểm tra hết môn | 1 |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG KHOA  (Đã ký)  Đặng Nguyên Mạnh | TRƯỞNG BỘ MÔN  (Đã ký)  Nguyễn Thái Hà |